

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017
của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG TIỂU HỌC HỌC ĐỨC CHÍNH**

Chương: **622**

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-GD&ĐT ngày 05/01/2022 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	0
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	0
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.146.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.996.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	150.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	3.146.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.996.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150.000.000

Đức Chính, ngày 20 tháng 01 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xâm

Đơn vị: TRƯỜNG TH ĐỨC CHÍNH

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Đức chính công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách QUÝ 1 năm 2022 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện NĂM 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		0	0	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	777.073.876	777.073.876	100	100
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	777.073.876	777.073.876	100	100
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	0	0

Đông Triều, ngày 12 tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xăm

Đơn vị: TRƯỜNG TH ĐỨC CHÍNH

Chương: 622

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
VÀ THU SỰ NGHIỆP KHÁC QUÝ 1 -2022**

(Kèm theo Quyết định số 119B/QĐ-GDĐT ngày 12/04/2022 của Trường TH Đức Chính)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu	495.641.700	495.641.700	0	
I	Tổng số thu nguồn sự nghiệp khác	495.641.700	495.641.700	0	
	* Dư quỹ cuối năm 2021 mang sang	0	0	0	
1	Tiền chăm sóc bán trú ngoài giờ	100.358.400	100.358.400	0	
2	Tiền ăn + chi phí gián tiếp(chất đốt, điện, nước.....)	19.647.000	19.647.000	0	
3	Tiền nước uống	11.816.000	11.816.000	0	
4	Tiền học tin học	45.234.000	45.234.000	0	
5	Tiền học kỹ năng sống	90.690.000	90.690.000	0	
6	Tiền học TA với người nước ngoài	174.832.000	174.832.000	0	
7	Tiền cấp dưỡng		0	0	
8	Tiền xe đạp	53.064.300	53.064.300	0	
9	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu		0	0	
10	Tiền BHYT học sinh		0	0	
11	Tiền thưởng		0	0	
II	Chi từ nguồn thu sự nghiệp khác	476.415.031	476.415.031	0	
1	Tiền chăm sóc bán trú ngoài giờ	96.545.300	96.545.300	0	
2	Tiền ăn + chi phí gián tiếp(chất đốt, điện, nước.....)	18.054.100	18.054.100	0	
3	Tiền nước uống	8.930.000	8.930.000	0	
4	Tiền học tin học	40.534.700	40.534.700	0	
5	Tiền học kỹ năng sống	88.975.531	88.975.531	0	
6	Tiền học TA với người nước ngoài	171.346.400	171.346.400		
7	Tiền vệ sinh chung				
8	Tiền xe đạp	52.029.000	52.029.000		
9	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu			0	
	Tiền BHYT học sinh		0		
10	Tiền thưởng		0	0	
III	Nguồn thu sự nghiệp khác	495.641.700	476.415.031	19.226.669	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	777.073.876	777.073.876	0	
I	Chi thường xuyên	777.073.876	777.073.876	0	
1	Chi thanh toán cá nhân	584.605.700	584.605.700	0	
	Mục 6000: Tiền lương	327.769.700	327.769.700	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mục 6100: Phụ cấp lương	167.648.400	167.648.400	0	
	Mục 6200: Tiền thưởng		-	0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể		-		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	87.578.400	87.578.400	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.609.200	1.609.200	0	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	148.766.176	148.766.176	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	2.138.376	2.138.376	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	28.913.000	28.913.000	0	
	Mục 6650: Hội nghị		0		
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4.686.000	4.686.000	0	
	Mục 6700: Công tác phí	2.700.000	2.700.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	38.340.800	38.340.800	0	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	32.648.000	32.648.000	0	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	21.450.000	21.450.000	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	17.890.000	17.890.000	0	
3	Chi mua sắm, sửa chữa	0	0	0	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	0	0	0	
	Tiểu mục 7053: Mua , bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		0	0	
4	Các khoản chi khác	43.702.000	43.702.000	0	
	Mục 7756: Chi các khoản phí và lệ phí	252.000	252.000		
	Mục 7799: Chi khác	43.450.000	43.450.000	0	
II	Chi không thường xuyên	0	0	0	
1	Chi thanh toán cá nhân	0	0	0	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học		0	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	0		
	Mục 6100: Phụ cấp lương				
	Mục 6449: Chi khác		0		
2	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	0	0		
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn:	0	0	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng		0		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn		0		
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		0		
4	Chi khác : Mục 7750		0	0	

Đức chính, ngày 12 tháng 4 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xâm